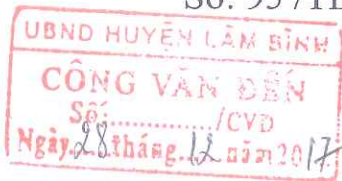


Số: 95 /TB-UBND

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 12 năm 2017.



THÔNG BÁO

Tuyển dụng công chức năm 2017

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư số 05/2012/TT-BNV ngày 24/10/2012 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức;

Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về phê duyệt kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2017; Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về phê duyệt bổ sung ngành nghề đào tạo vào kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2017 của Sở Nội vụ,

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thông báo tuyển dụng công chức năm 2017 đối với 18 cơ quan, đơn vị như sau:

1. Số chỉ tiêu tuyển dụng: 95 chỉ tiêu.

Cơ quan có nhu cầu tuyển dụng, số lượng chỉ tiêu tuyển dụng, vị trí việc làm tuyển dụng, yêu cầu về trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo quy định tại Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về phê duyệt kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2017; Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về phê duyệt bổ sung ngành nghề đào tạo vào kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2017 của Sở Nội vụ.

2. Điều kiện người đăng ký dự tuyển, hình thức tuyển dụng, ưu tiên trong tuyển dụng, cách tính điểm và xác định người trúng tuyển

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 08/12/2017, Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang (kèm theo).

3. Hồ sơ dự tuyển; thời gian và địa điểm nhận hồ sơ dự tuyển

3.1. Hồ sơ dự tuyển

Mỗi thí sinh dự tuyển chỉ nộp 01 hồ sơ dự tuyển do Sở Nội vụ phát hành vào 01 vị trí cần tuyển dụng (thí sinh mua tại cơ quan, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng); hồ sơ dự tuyển gồm có:

- Đơn đăng ký dự tuyển công chức (theo mẫu).
- Bản sơ yếu lý lịch tự thuật (dán ảnh 4x6), có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú) trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.
- Bản sao giấy khai sinh.
- Bản chụp các văn bằng, chứng chỉ và bằng kết quả học tập (hoặc học bạ) phù hợp với yêu cầu của vị trí dự tuyển. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt.
- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.
- Giấy chứng nhận của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thành phố thuộc đối tượng được hưởng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có), như: Con Liệt sĩ, con Thương binh, con Bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.
- 03 phong bì dán tem, có ghi địa chỉ, số điện thoại của thí sinh dự thi hoặc người nhận thay.

Hồ sơ dự tuyển phải đủ các thành phần nêu trên; hồ sơ không đủ thành phần nêu trên hoặc nộp từ 02 hồ sơ dự tuyển vào các vị trí tuyển dụng khác nhau là hồ sơ không hợp lệ và không đủ điều kiện dự tuyển.

3.2. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ dự tuyển

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 25/12/2017 đến ngày 25/01/2018 trong giờ hành chính.

- Địa điểm nhận hồ sơ: Tại Phòng Tổ chức cán bộ hoặc Văn phòng các cơ quan, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng; Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

Trường hợp thí sinh đủ điều kiện dự tuyển nhưng các cơ quan, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng từ chối nhận hồ sơ, thì thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ.

Thông tin về tuyển dụng, các cơ quan, đơn vị, địa phương, người dân có thể trực tiếp liên hệ trao đổi, phản ánh về Phòng Công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ, số điện thoại 027.3824662 (trong giờ hành chính).

4. Thông báo tuyển dụng công chức năm 2017

4.1. Các cơ quan, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng niêm yết công khai Thông báo này tại trụ sở làm việc và đăng trên trang tin điện tử của cơ quan, đơn vị; trong quá trình nhận hồ sơ dự tuyển công chức, không quy định thêm các thủ tục, giấy tờ ngoài thành phần hồ sơ được quy định tại Thông báo này.

4.2. Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải Thông báo này trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh theo quy định.

4.3. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Tuyên Quang có trách nhiệm đưa tin Thông báo này trên Báo Tuyên Quang, trên sóng phát thanh truyền hình theo quy định./.

Nơi nhận: 

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, NC, THCB.

CHỦ TỊCH



Phạm Minh Huấn

Số: 1443 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2017

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư số 05/2012/TT-BNV ngày 24/10/2012 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức;

Căn cứ Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 22/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tuyển dụng công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2017;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 210/TTr-SNV ngày 30/8/2017 về phê duyệt kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2017 của các cơ quan, đơn vị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2017 của 18 cơ quan, đơn vị, như sau:

1. Chỉ tiêu tuyển dụng: 95 người (có biểu chi tiết chỉ tiêu tuyển dụng của từng cơ quan, đơn vị kèm theo).

2. Điều kiện dự tuyển, hình thức tuyển dụng

2.1. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển vào làm công chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phải có đủ điều kiện dự tuyển quy định tại Điều 36, Luật Cán bộ, công chức.

2.2. Hình thức tuyển dụng

2.2.1. Xét tuyển

- Đối tượng xét tuyển

+ Những người được cử đi học theo chế độ cử tuyển của tỉnh đã tốt nghiệp, có trình độ chuyên môn đúng yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

+ Người có đủ điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 36, Luật Cán bộ, công chức cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Người tốt nghiệp thủ khoa tại các cơ sở đào tạo trình độ đại học ở trong nước; người tốt nghiệp đại học, sau đại học loại giỏi, xuất sắc ở nước ngoài.

+ Người dự tuyển vào chức danh Thủ quỹ cơ quan.

- Nội dung xét tuyển

Thực hiện theo Điều 12, Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ.

2.2.2. Thi tuyển

- Đối tượng thi tuyển

Các trường hợp đủ điều kiện dự tuyển công chức theo quy định (bao gồm cả các trường hợp đã dự xét tuyển nhưng không đạt, trừ người dự tuyển vào chức danh Thủ quỹ cơ quan).

- Nội dung thi tuyển

Người dự thi tuyển công chức phải thực hiện các nội dung thi quy định tại Điều 8, Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ.

3. Ưu tiên trong tuyển dụng, cách tính điểm và xác định người trúng tuyển

Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 11, Điều 13, Điều 14, Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ

Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh: Thông báo kế hoạch tuyển dụng; thành lập Hội đồng tuyển dụng, Đoàn giám sát tuyển dụng và Phương án thi trực tuyển trên máy vi tính đối với môn tin học, ngoại ngữ theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng

- Tiếp nhận, tổng hợp hồ sơ, lập danh sách người đăng ký dự tuyển; thẩm định xác minh tính pháp lý đối với trường hợp thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng.

- Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu với Hội đồng tuyển dụng công chức của tỉnh tổ chức tuyển dụng công chức vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị đảm bảo đúng quy định của Nhà nước và của tỉnh hiện hành.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tổ chức sơ tuyển đối với người đăng ký dự tuyển vào vị trí việc làm Kiểm lâm viên. Nội dung, hình thức sơ tuyển phải có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ trước khi thực hiện.

4. Đoàn Giám sát tuyển dụng công chức của tỉnh


Giám sát chặt chẽ quá trình tuyển dụng công chức năm 2017 của các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định.

5. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Tuyên Quang

Đăng tải, đưa tin, thông báo các thông tin tuyển dụng công chức năm 2017 trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trên sóng phát thanh truyền hình tỉnh và trên Báo Tuyên Quang theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; người đứng đầu các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NC.

CHỦ TỊCH




Phạm Minh Huân



**KẾ HOẠCH TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC NĂM 2017
CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

(Kèm theo Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Kế hoạch tuyển dụng			Yêu cầu trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo
		Số lượng	Vị trí việc làm, chức danh tuyển dụng	Mã số	
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	3			
		1	Chuyên viên theo dõi công tác văn hóa - xã hội	01.003	Đại học trở lên, các chuyên ngành thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội
		1	Chuyên viên theo dõi công tác dân tộc	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Đất đai, tài nguyên, môi trường, kinh tế, tài chính - ngân hàng
		1	Chuyên viên tổng hợp thông tin dân nguyện	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Luật, hành chính, đất đai, nông nghiệp, công nghiệp, khoáng sản, công nghệ thông tin
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	2			
		1	Chuyên viên hành chính - tổng hợp	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Hành chính học hoặc lưu trữ học; được thẩm tra, xác minh lý lịch đủ điều kiện công tác tại Văn phòng UBND tỉnh
		1	Chuyên viên tổng hợp nội chính	01.003	Đại học trở lên, ngành luật; được thẩm tra, xác minh lý lịch đủ điều kiện công tác tại Văn phòng UBND tỉnh
3	Sở Nội vụ	2			
		1	Chuyên viên xây dựng chính quyền	01.003	Đại học trở lên, ngành luật hoặc hành chính học
	Văn phòng Sở	1	Chuyên viên hành chính - tổng hợp	01.003	Đại học trở lên, ngành luật hoặc hành chính học

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Kế hoạch tuyển dụng			Mã số	Yêu cầu trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo
		Số lượng	Vị trí việc làm, chức danh tuyển dụng			
4	Sở Tài chính	3				
		1	Chuyên viên tổ chức nhân sự	01.003	Đại học trở lên, ngành quản trị nhân lực	
		1	Chuyên viên quản lý công sản	01.003	Đại học trở lên, ngành kế toán	
		1	Chuyên viên quản lý tài chính doanh nghiệp	01.003	Đại học trở lên, ngành kế toán doanh nghiệp	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1				
		1	Văn thư trung cấp	02.008	Trung cấp trở lên, ngành văn thư lưu trữ; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ văn thư	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	28				
6.1	Các phòng chuyên môn	3				
	Văn phòng Sở	1	Văn thư trung cấp	02.008	Trung cấp trở lên, ngành văn thư lưu trữ; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ văn thư	
		1	Chuyên viên theo dõi công tác pháp chế	01.003	Đại học trở lên, ngành luật	
	Phòng Tổ chức cán bộ	1	Chuyên viên quản lý nhân sự và đội ngũ	01.003	Đại học trở lên, ngành hành chính	
6.2	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1	Kiểm dịch viên thực vật	09.319	Đại học trở lên, một trong các ngành: Trồng trọt, nông học, bảo vệ thực vật	
6.3	Chi cục Kiểm lâm	23				
	Văn phòng Chi cục	1	Chuyên viên thông tin truyền	01.003	Đại học trở lên, ngành công nghệ thông tin	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Kế hoạch tuyển dụng			Yêu cầu trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo
		Số lượng	Vị trí việc làm, chức danh tuyển dụng	Mã số	
	Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Na Hang	8	Kiểm lâm viên	10.226	Đại học trở lên, một trong các ngành: Luật, lâm nghiệp, lâm sinh, lâm học, quản lý tài nguyên rừng và môi trường, chế biến lâm sản
		1	Kế toán viên	06.031	Đại học trở lên, ngành kế toán hoặc tài chính - ngân hàng
		7	Kiểm lâm viên	10.226	Đại học trở lên, một trong các ngành: Luật, lâm nghiệp, lâm sinh, lâm học, quản lý tài nguyên rừng và môi trường, chế biến lâm sản
		4	Kiểm lâm viên	10.226	Đại học trở lên, một trong các ngành: Luật, lâm nghiệp, lâm sinh, lâm học, quản lý tài nguyên rừng và môi trường, chế biến lâm sản
	Hạt Kiểm lâm huyện Lâm Bình	1	Kế toán viên	06.031	Đại học trở lên, ngành kế toán hoặc tài chính - ngân hàng
		1	Kế toán viên	06.031	Đại học trở lên, ngành kế toán hoặc tài chính - ngân hàng
		1	Kế toán viên	06.031	Đại học trở lên, ngành kế toán hoặc tài chính - ngân hàng
	Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Tân Trào	1	Kế toán viên	06.031	Đại học trở lên, ngành kế toán hoặc tài chính - ngân hàng
		1	Kế toán viên	06.031	Đại học trở lên, ngành kế toán hoặc tài chính - ngân hàng
6.4	Chi cục Thủy lợi	1	Thủ quỹ cơ quan	06.035	Trung cấp trở lên, ngành tài chính hoặc ngành kế toán
7	Sở Công thương	3			
		1	Chuyên viên quản lý thương mại - dịch vụ	01.003	Đại học trở lên, ngành quản lý kinh tế
		1	Chuyên viên quản lý quy hoạch - kế hoạch	01.003	Đại học trở lên, ngành quản trị kinh doanh
		1	Kiểm soát viên thị trường	21.189	Đại học trở lên, ngành luật hoặc kế toán
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2			
8.1	Văn phòng Sở	1	Văn thư trung cấp	02.008	Trung cấp trở lên, ngành văn thư - lưu trữ; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ văn thư

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Kế hoạch tuyển dụng			Mã số	Yêu cầu trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo
		Số lượng	Vị trí việc làm, chức danh tuyển dụng			
8.2	Phòng Kế hoạch - Tài chính	1	Kế toán viên	06.031	Đại học trở lên, ngành kế toán hoặc tài chính - ngân hàng	
9	Sở Thông tin và Truyền thông	1				
	Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản	1	Chuyên viên quản lý báo chí	01.003	Đại học trở lên, ngành báo chí	
10	Sở Ngoại vụ	1				
		1	Văn thư trung cấp	02.008	Trung cấp trở lên, ngành văn thư - lưu trữ; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ văn thư	
11	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	1				
		1	Chuyên viên quản lý doanh nghiệp	01.003	Đại học trở lên, ngành quản trị kinh doanh	
12	Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang	3				
12.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2	Chuyên viên quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Kinh tế, kế toán, tài chính - ngân hàng	
12.2	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1	Chuyên viên quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	01.003	Đại học trở lên, ngành lao động hoặc ngành quản trị nhân lực	
13	Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương	11				
13.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2	Chuyên viên quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Kinh tế, kế toán, tài chính - ngân hàng	
		1	Chuyên viên quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học trở lên, ngành xây dựng hoặc ngành giao thông	
13.2	Thanh tra huyện	1	Chuyên viên thanh tra	01.003	Đại học trở lên, ngành luật	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Kế hoạch tuyển dụng			Yêu cầu trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo
		Số lượng	Vị trí việc làm, chức danh tuyển dụng	Mã số	
13.3	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	Chuyên viên quản lý về thủy lợi (đề điều, phòng, chống lụt bão)	01.003	Đại học trở lên, ngành thủy lợi
		1	Chuyên viên theo dõi xây dựng nông thôn mới	01.003	
13.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1	Chuyên viên quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	01.003	Đại học trở lên, ngành lao động xã hội hoặc ngành kinh tế
		1	Chuyên viên quản lý thương mại	01.003	
13.5	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	1	Chuyên viên quản lý xây dựng	01.003	Đại học trở lên, ngành xây dựng
		1	Chuyên viên quản lý giao thông	01.003	
13.6	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	1	Văn thư trung cấp	02.008	Trung cấp trở lên, ngành văn thư - lưu trữ, nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ văn thư
14	Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn	6	Chuyên viên quản lý văn thư - lưu trữ	01.003	Đại học trở lên, ngành văn thư lưu trữ hoặc ngành quản trị văn phòng
14.2	Phòng Tư pháp	1	Chuyên viên phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	01.003	Đại học trở lên, ngành luật
			1	Chuyên viên quản lý tài chính - ngân sách	
14.3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1	Chuyên viên quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	Đại học trở lên, ngành tài chính - ngân hàng hoặc ngành kinh tế phát triển
			1	Chuyên viên quản lý	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Kế hoạch tuyển dụng			Yêu cầu trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo
		Số lượng	Vị trí việc làm, chức danh tuyển dụng	Mã số	
14.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1	Chuyên viên thực hiện chính sách người có công	01.003	Đại học trở lên, ngành quản lý nhà nước hoặc ngành công tác xã hội
15	Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên	9			
15.1	Phòng Nội vụ	1	Chuyên viên quản lý đội ngũ cán bộ công chức, viên chức	01.003	Đại học trở lên, các ngành
		1	Chuyên viên quản lý thi đua khen thưởng	01.003	
15.2	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1	Chuyên viên phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Đại học trở lên, ngành công tác xã hội
		1	Kế toán viên	06.031	Đại học trở lên, ngành kế toán hoặc tài chính - ngân hàng
15.3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2	Chuyên viên quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Tài chính - ngân hàng, kế toán, quản lý tài chính công
15.4	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	2	Chuyên viên quản lý về xây dựng	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Xây dựng, kiến trúc, giao thông
15.5	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	Chuyên viên theo dõi xây dựng nông thôn mới	01.003	Đại học trở lên, ngành phát triển nông thôn hoặc ngành kinh tế
16	Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa	8			
16.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	1	Thủ quỹ cơ quan	06.035	Trung cấp trở lên, ngành tài chính hoặc ngành kế toán
		1	Văn thư trung cấp	02.008	Trung cấp trở lên, ngành văn thư - lưu trữ; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ văn thư
16.2	Thanh tra huyện	1	Chuyên viên thanh tra	01.003	Đại học trở lên, ngành giao thông hoặc ngành xây dựng

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Kế hoạch tuyển dụng			Yêu cầu trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo
		Số lượng	Vị trí việc làm, chức danh tuyển dụng	Mã số	
16.3	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	Chuyên viên theo dõi xây dựng nông thôn mới	01.003	Đại học trở lên, ngành phát triển nông thôn hoặc ngành kinh tế
		1	Chuyên viên quản lý khoa học công nghệ	01.003	
16.4	Phòng Nội vụ	1	Chuyên viên tổ chức - biên chế và hội	01.003	Đại học trở lên, các ngành
16.5	Phòng Tư pháp	1	Chuyên viên hành chính tư pháp	01.003	Đại học trở lên, ngành luật
16.6	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	1	Chuyên viên quản lý xây dựng	01.003	Đại học trở lên, ngành kiến trúc hoặc ngành xây dựng
17	Ủy ban nhân dân huyện Na Hang	5			
17.1	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	Chuyên viên quản lý về thủy lợi	01.003	Đại học trở lên, ngành thủy lợi hoặc ngành xây dựng
		1	Chuyên viên theo dõi xây dựng nông thôn mới	01.003	
17.2	Phòng Văn hóa	1	Chuyên viên quản lý thông tin - truyền thông	01.003	Đại học trở lên, một trong các ngành: Du lịch, công nghệ thông tin hoặc quản trị văn phòng hoặc ngành kinh tế
		1	Chuyên viên quản lý nghiệp vụ y	01.003	
17.3	Phòng Y tế	1	Chuyên viên quản lý dược, mỹ phẩm	01.003	Đại học trở lên, ngành y đa khoa
18	Ủy ban nhân dân huyện Lâm Bình	6			
18.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	1	Kế toán viên	06.031	Đại học trở lên, ngành kế toán hoặc tài chính - ngân hàng
18.2	Phòng Văn hóa	1	Chuyên ngành quản lý kế hoạch và gia đình	01.003	Đại học trở lên, ngành quản lý văn hóa và công tác xã hội

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Kế hoạch tuyển dụng			Mã số	Yêu cầu trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo
		Số lượng	Vị trí việc làm, chức danh tuyển dụng			
18.3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1	Chuyên viên quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học trở lên, ngành kỹ thuật công trình xây dựng hoặc ngành tài chính - ngân hàng	
18.4	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1	Chuyên viên quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học trở lên, ngành tài chính - ngân hàng	
18.5	Phòng Nội vụ	1	Chuyên viên theo dõi phổ cập giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp	01.003	Đại học trở lên, ngành sư phạm	
	Tổng cộng	95			Đại học trở lên, ngành hành chính	